

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Số 03 đường Hoa Đào, phường 02, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Mua bán cà phê; Đại lý mua bán xăng dầu. Mua bán nhớt, mỡ; Kinh doanh kho bãi.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.



IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư này qui định tỷ giá sử dụng để ghi đối các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Các qui định khác của Thông tư này tương tự như hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái mà Công ty đang áp dụng.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba (03) tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Số 03 đường Hoa Đào, phường 02, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 30
Máy móc và thiết bị	07 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

7. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Số 03 đường Hoa Đào, phường 02, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

Tăng, giảm số dư quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Số 03 đường Hoa Đào, phường 02, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

14. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

16. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số V.6.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Số 03 đường Hoa Đào, phường 02, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng.

2. Phải thu khách hàng

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng trong nước	20.568.668.933	23.249.633.547
Phải thu khách hàng nước ngoài	6.499.623.051	11.933.764.206
Cộng	27.068.291.984	35.183.397.753

3. Trả trước cho người bán

	Cuối năm	Đầu năm
Trả trước nhà cung cấp hàng hóa	5.228.989.747	18.126.032.252
Trả trước nhà cung cấp dịch vụ	-	22.500.000
Cộng	5.228.989.747	18.148.532.252



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Số 03 đường Hoa Đào, phường 02, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Cuối năm	Đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán		
> Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	3.162.500.000	3.162.500.000
> Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	241.197.894	331.197.894
> Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	13.347.804.253	13.476.804.253
Cộng	16.751.502.147	16.970.502.147

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	16.970.502.147
Hoàn nhập dự phòng	(219.000.000)
Số cuối năm	16.751.502.147

5. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	9.891.246	109.938.210
Công cụ dụng cụ	298.637.331	412.337.201
Thành phẩm	-	1.130.733.724
Hàng hoá	5.843.403.916	24.077.911.242
Hàng gửi bán	-	9.152.059.960
Cộng	6.151.932.493	34.882.980.337

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phí bảo hiểm	5.930.632	18.618.600
Công cụ, dụng cụ	-	13.410.798
Chi phí bán hàng	276.385.210	291.999.810
Cộng	282.315.842	324.029.208

7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.463.906.968	1.463.906.968
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	37.200	-
Cộng	1.463.944.168	1.463.906.968

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm trang 27.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Số 03 đường Hoa Đào, phường 02, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là các quyền sử dụng đất.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Đầu năm	18.261.198.000	-	18.261.198.000
Tăng trong năm	11.188.875.000	-	
Cuối năm	29.450.073.000	-	29.450.073.000

Các quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất tại số 03 đường Hoa Đào, phường 2, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất này không xác định thời hạn nên không được tính khấu hao.
- Quyền sử dụng đất tại đường Vòng Vạn Mỹ, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Quyền sử dụng đất này không xác định thời hạn nên không được tính khấu hao.
- Quyền sử dụng đất tại xã Tân Thượng, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Quyền sử dụng đất này bao gồm phần đất không xác định thời hạn nên không được tính khấu hao, và phần đất có xác định thời hạn và phải nộp tiền thuê đất hàng năm.

10. Đầu tư dài hạn khác

	Số lượng	Cuối năm Tỷ lệ năm giữ	Giá trị	Số lượng	Đầu năm Tỷ lệ năm giữ	Giá trị
Công ty cổ phần Âu Lạc	262.440	1,03%	3.224.442.400	262.440	1,03%	3.224.442.400
Công ty cổ phần bất động sản và kỹ thuật xăng đầu	300.000	7,83%	3.000.000.000	300.000	7,83%	3.000.000.000
Cộng			6.224.442.400			6.224.442.400

11. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác.

12. Vay và nợ ngắn hạn

Khoản vay ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á – Chi nhánh quận 10 để bổ sung vốn lưu động với hạn mức vay là 100.000.000.000đ. Khoản vay này được giải ngân bằng VND hoặc USD.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

Đầu năm	59.031.008.500
Số tiền vay phát sinh	457.561.971.090
Số tiền vay đã trả	(496.703.158.450)
Chênh lệch tỷ giá	(4.283.140)
Cuối năm	19.885.538.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Số 03 đường Hoa Đào, phường 02, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

13. Phải trả người bán

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả nhà cung cấp hàng hóa	22.521.553.739	27.948.539.730
Phải trả nhà cung cấp dịch vụ	96.174.000	2.978.903.214
Cộng	22.617.727.739	30.927.442.944

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	30.920.875	154.754.567	(174.749.988)	10.925.454
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	448.260.662	(448.260.662)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	115.685.019	(115.685.019)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.463.906.968)	-	-	(1.463.906.968)
Thuế thu nhập cá nhân	7.050.000	119.041.950	(120.429.150)	5.662.800
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	20.546.040	(20.546.040)	-
Các loại thuế khác	-	13.658.503	(13.658.503)	-
Cộng	(1.425.936.093)	871.946.741	(893.329.362)	(1.447.318.714)

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.7).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa xuất khẩu 0%
- Sản phẩm trồng trọt qua sơ chế, bảo quản ở khâu thương mại, thương mại Không chịu thuế
- Hàng hóa khác 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	843.584.728	(16.155.005.775)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thu nhập chịu thuế	843.584.728	(16.155.005.775)
Lỗi năm trước chuyển sang	(843.584.728)	-
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Số 03 đường Hoa Đào, phường 02, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

- (*) Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số liệu khoản mục Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ thay đổi khi có quyết định của cơ quan thuế.

15. Phải trả người lao động

Quỹ lương chưa thanh toán cho người lao động.

Quỹ lương được trích theo nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 000146/NQ-ĐHCD ngày 14 tháng 05 năm 2014.

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	55.798.332	112.211.879
Bảo hiểm thất nghiệp	11.438.632	9.219.132
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	270.000.000	-
Phải trả cổ tức	146.663.600	259.631.100
Phải trả khác	52.328.356	-
Cộng	536.228.920	381.062.111

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng ban điều hành	Cộng
Số đầu năm	205.391.173	1.686.587.800	10.000.000	1.901.978.973
Tăng khác	1.055.468.000	167.977.000		1.223.445.000
Chi quỹ trong năm	(993.405.050)	(1.295.814.788)	-	(2.289.219.838)
Số cuối năm	267.454.123	558.750.012	10.000.000	836.204.135

18. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm trang 28.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Số 03 đường Hoa Đào, phường 02, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hoá ^(*)	929.870.862.380	1.259.076.981.459
Doanh thu bán thành phẩm	82.906.750	1.029.088.829
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.310.100.000	-
Cộng	931.263.869.130	1.260.106.070.288

(*) Doanh thu bán hàng hóa bao gồm doanh thu của một số lô hàng xuất khẩu được ghi nhận theo giá bán tạm tính và sẽ được điều chỉnh sau khi thống nhất lại giá bán với khách hàng.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa	912.833.439.381	1.232.038.894.148
Giá vốn thành phẩm	82.089.100	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	246.387.974	-
Chi phí hao hụt trong quá trình sản xuất	269.250.617	-
Cộng	913.431.167.072	1.232.038.894.148

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Số 03 đường Hoa Đào, phường 02, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	6.674.457	711.224.723
Cổ tức, lợi nhuận được chia	314.928.000	335.796.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.142.251.123	16.615.494.655
Cộng	3.463.853.580	17.662.515.378

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.138.941.154	3.595.154.878
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.840.650.928	14.268.449.961
Cộng	3.979.592.082	17.863.604.839

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.907.938.911	3.574.640.775
Chi phí vật liệu, bao bì	1.950.124.800	1.858.658.104
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	22.413.288	6.562.982
Chi phí khấu hao tài sản cố định	245.766.888	215.012.074
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.802.509.880	1.425.149.800
Chi phí bằng tiền khác	394.350.667	21.110.771.974
Cộng	12.323.104.434	28.190.795.709

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.579.759.176	2.522.259.425
Chi phí vật liệu quản lý	156.377.330	308.713.410
Chi phí đồ dùng văn phòng	71.236.150	261.041.942
Chi phí khấu hao tài sản cố định	308.888.671	479.730.328
Thuế, phí và lệ phí	50.870.381	38.108.750
Chi phí dịch vụ mua ngoài	221.312.189	257.393.887
Chi phí bằng tiền khác	978.952.178	12.717.750.812
Cộng	4.367.396.075	16.584.998.554

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	843.584.728	(16.155.005.775)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	843.584.728	(16.155.005.775)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	281	(5.385)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Số 03 đường Hoa Đào, phường 02, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu(*)	915.631.318.640	60.039.357.200
Chi phí nhân công	5.487.698.087	5.088.456.145
Chi phí khấu hao tài sản cố định	777.003.533	533.255.544
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.023.822.069	4.853.602.082
Chi phí khác	1.150.954.871	55.555.543.310
Cộng	930.070.797.200	126.070.214.281

(*) Chi phí nguyên liệu, vật liệu bao gồm chi phí mua hàng hóa.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty thương mại kỹ thuật và đầu tư - Công ty cổ phần	Công ty mẹ
Tổng Công ty thương mại kỹ thuật và đầu tư - Công ty cổ phần - Chi nhánh Hải Phòng	Chi nhánh của Công ty mẹ
Tổng Công ty thương mại kỹ thuật và đầu tư - Công ty cổ phần - Chi nhánh Petec Sài Gòn	Chi nhánh của Công ty mẹ

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ với Tổng Công ty thương mại kỹ thuật và đầu tư - Công ty cổ phần giá trị là 33.290.388.727 VND (năm trước là 91.259.418.515 VND)

Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ		
Tổng Công ty thương mại kỹ thuật và đầu tư - Công ty cổ phần	7.007.192.885	4.399.381.685
Tổng Công ty thương mại kỹ thuật và đầu tư - Công ty cổ phần - Chi nhánh Hải Phòng	11.670.974.076	11.670.974.076
Cộng	18.678.166.961	16.070.355.761

Vũ Thị Lưu
Người lập biểu

Nguyễn Duy Minh
Kế toán trưởng

Ngày 05 tháng 3 năm 2015

Đinh Hoài Minh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Số 03 đường Hoa Đào, phường 02, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Phụ lục 1 – Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	9.552.782.273	5.303.206.925	2.281.118.351	104.009.540	17.241.117.089
Mua sắm mới	1.850.079.000	-	-	-	1.850.079.000
Số cuối năm	11.402.861.273	5.303.206.925	2.281.118.351	104.009.540	19.091.196.089
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	4.403.055.145	1.425.305.988	104.009.540	5.932.370.673
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	2.980.644.570	4.782.943.428	1.686.666.876	104.009.540	9.554.264.414
Khấu hao trong năm	443.481.440	121.476.561	212.045.532	-	777.003.533
Số cuối năm	3.424.126.010	4.904.419.989	1.898.712.408	104.009.540	10.331.267.947
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	6.572.137.703	520.263.497	594.451.475	-	7.686.852.675
Số cuối năm	7.978.735.263	398.786.936	382.405.943	-	8.759.928.142
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Vũ Thị Lưu
Người lập biểu

Nguyễn Duy Minh
Kế toán trưởng



Ngày 05 tháng 3 năm 2015

Đình Hoài Minh
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Số 03 đường Hoa Đào, phường 02, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Phụ lục 2 – Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Đầu năm trước	30.000.000.000	9.914.693.492	3.000.000.000	3.616.801.670	46.531.495.162
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	1.702.792.872	-	-	1.702.792.872
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	(16.155.005.775)	(16.155.005.775)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	-	-	-	(8.720.987)	(8.720.987)
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	(175.500.000)	(175.500.000)
Cuối năm trước	30.000.000.000	11.617.486.364	3.000.000.000	(14.222.425.092)	(14.222.425.092)
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	843.584.728	843.584.728
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	(168.000.000)	(168.000.000)
Cuối năm nay	30.000.000.000	11.617.486.364	3.000.000.000	(13.546.840.364)	(13.546.840.364)

Vũ Thị Lưu
Người lập biểu

Nguyễn Duy Minh
Kế toán trưởng



Ngày 05 tháng 3 năm 2015

Đinh Hoài Minh
Giám đốc

